ĐỀ XUẤT BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DỊCH VỤ ĐÀO TẠO TRỰC TUYẾN Ở VIỆT NAM

ThS. Nguyễn Thị Phương Dung* - PGS. TS. Tô Thế Nguyên**
PGS. TS. Nguyễn Thị Hương Lan**

Trên cơ sở kế thừa các nghiên cứu về đánh giá quản lý nhà nước trong lĩnh vực dịch vụ và đặc điểm của thị trường đào tạo trực tuyến, nghiên cứu này đề xuất bộ tiêu chí đánh giá công tác quản lý nhà nước đối với dịch vụ đào tạo trực tuyến ở Việt Nam. Phương pháp nghiên cứu được sử dụng gồm phân tích tài liệu, tổng hợp lý thuyết và tham vấn 12 chuyên gia trong các lĩnh vực quản lý nhà nước, công nghệ giáo dục, pháp luật và chuyển đổi số giáo dục. Kết quả nghiên cứu đề xuất 5 nhóm tiêu chí đánh giá gồm: tính hiệu lực; tính hiệu quả; tính phù hợp; tính đồng bộ, hệ thống và thống nhất; tính minh bạch và công bằng. Kết quả khảo sát cho thấy toàn bộ các chỉ tiêu đều có điểm đánh giá trung bình trên 7,0 và độ lệch chuẩn nhỏ hơn 1,0, phản ánh mức độ phù hợp và sự đồng thuận tương đối cao của chuyên gia đối với hệ thống tiêu chí đề xuất. Nghiên cứu góp phần bổ sung cơ sở lý luận và thực tiễn cho hoạt động đánh giá QLNN trong lĩnh vực đào tạo trực tuyến tại Việt Nam.

• Từ khóa: *quản lý nhà nước; đào tạo trực tuyến; chuyển đổi số; hiệu quả; hiệu lực.*

Based on previous studies on evaluating state management in the service sector and the characteristics of the online training market, this study proposes a set of criteria for evaluating state management of online training services in Vietnam. The research methods employed include document analysis, theoretical synthesis, and expert consultation involving 12 experts in the fields of public administration, educational technology, law, and digital transformation in education. The study proposes five groups of evaluation criteria, including: effectiveness, efficiency, appropriateness, consistency and coherence, and transparency and fairness. The survey results indicate that all indicators achieved an average score above 7.0 and a standard deviation below 1.0, reflecting a relatively high level of appropriateness and expert consensus regarding the proposed criteria system. The study contributes to strengthening both the theoretical and practical foundations for evaluating state management in the field of digital education in Vietnam.

• Key words: *state management; online training; digital transformation; efficiency; effectiveness.*

Ngày nhận bài: 31/3/2026
Ngày gửi phản biện: 23/4/2026
Ngày duyệt đăng: 28/5/2026
DOI: https://doi.org/10.71374/jfarv.v26.i314.42

1. Mở đầu

Trong bối cảnh chuyển đổi số toàn cầu diễn ra mạnh mẽ, dịch vụ đào tạo trực tuyến (ĐTTT) đã trở thành một bộ phận quan trọng của hệ sinh thái giáo dục hiện đại và nền kinh tế số. Theo báo cáo của Grand View Research (2025), quy mô thị trường ĐTTT toàn cầu năm 2024 đạt khoảng 299,67 tỷ USD và dự kiến tiếp tục tăng trưởng với tốc độ trung bình khoảng 19%/năm trong giai đoạn 2025-2030.

Tại Việt Nam, cùng với sự phát triển của internet, hạ tầng số và nhu cầu học tập linh hoạt, thị trường ĐTTT đã có sự tăng trưởng mạnh mẽ. Theo Statista (2024), số lượng người học trực tuyến tại Việt Nam tăng từ khoảng 2,7 triệu người năm 2019 lên khoảng 7,1 triệu người năm 2024 và dự báo có thể đạt 9,4 triệu người vào năm 2029. Doanh thu thị trường cũng tăng từ khoảng 153 triệu USD lên 365 triệu USD trong cùng giai đoạn. Đại dịch COVID-19 càng thúc đẩy nhanh quá trình chuyển đổi từ hình thức đào tạo truyền thống sang ĐTTT, làm thay đổi căn bản nhận thức xã hội về học tập số và giáo dục mở.

Tuy nhiên, sự phát triển nhanh của dịch vụ ĐTTT cũng làm phát sinh nhiều vấn đề như vi phạm bản quyền học liệu, nguy cơ lộ lọt dữ liệu người học, cạnh tranh không lành mạnh, quảng cáo sai lệch và thất thu thuế từ các nền tảng số xuyên biên giới. Trong khi đó, hệ thống chính sách hiện hành của Việt Nam chủ yếu tập trung vào chuyển đổi số trong giáo dục chính quy mà chưa hình thành đầy đủ khung quản lý chuyên biệt đối với thị trường dịch vụ ĐTTT vận hành theo cơ chế thị trường và nền tảng số.

Trong bối cảnh đó, việc xây dựng bộ tiêu chí đánh giá công tác quản lý nhà nước (QLNN) đối với dịch vụ ĐTTT có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Bộ tiêu chí không chỉ là công cụ đo lường mức độ hiệu quả của hoạt động QLNN mà còn là cơ sở khoa học giúp hoàn thiện thể chế, nâng cao trách nhiệm giải trình và thúc đẩy phát triển thị trường ĐTTT theo hướng minh bạch, chất lượng và bền vững.

** Đại học Bách khoa Hà Nội; email: dung.nguyenthiphuong2@hust.edu.vn*
*** Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội*

2. Sự cần thiết xây dựng bộ tiêu chí đánh giá quản lý nhà nước đối với dịch vụ đào tạo trực tuyến

Theo Phan Huy Đường (2017), QLNN về kinh tế là sự tác động có tổ chức và bằng quyền lực nhà nước lên các hoạt động kinh tế nhằm đạt được các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Kế thừa cách tiếp cận này, QLNN đối với dịch vụ ĐTTT được hiểu là sự tác động có tổ chức và bằng quyền lực pháp lý của Nhà nước thông qua các công cụ, chính sách và phương pháp phù hợp nhằm định hướng, kiểm soát và điều tiết sự phát triển của thị trường ĐTTT theo hướng minh bạch, hiệu quả và bền vững.

Trong thực tiễn, Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách quan trọng liên quan tới chuyển đổi số giáo dục như Quyết định số 1373/QĐ-TTg năm 2021 về xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021–2030 và Quyết định số 131/QĐ-TTg năm 2022 về tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong giáo dục. Tuy nhiên, các chính sách này chủ yếu mang tính định hướng phát triển chung mà chưa hình thành đầy đủ hệ thống tiêu chí để đánh giá hiệu quả quản lý đối với thị trường ĐTTT (Thủ tướng Chính phủ, 2021; 2022).

Do đó, việc xây dựng bộ tiêu chí đánh giá công tác QLNN đối với dịch vụ ĐTTT là yêu cầu cấp thiết trong bối cảnh chuyển đổi số và phát triển mạnh mẽ của thị trường giáo dục số hiện nay. Bộ tiêu chí không chỉ giúp đo lường mức độ hiệu lực, hiệu quả của hoạt động quản lý nhà nước mà còn là công cụ quan trọng để phát hiện các khoảng trống, bất cập trong hệ thống chính sách và cơ chế quản lý hiện hành. Đồng thời, hệ thống tiêu chí đánh giá còn góp phần hỗ trợ quá trình hoạch định, điều chỉnh và hoàn thiện chính sách theo hướng phù hợp hơn với thực tiễn phát triển của thị trường ĐTTT và yêu cầu của nền kinh tế số. Bên cạnh đó, việc xây dựng bộ tiêu chí cũng có ý nghĩa trong việc nâng cao tính minh bạch, trách nhiệm giải trình của cơ quan quản lý nhà nước, tạo lập môi trường cạnh tranh lành mạnh giữa các chủ thể cung ứng dịch vụ và thúc đẩy phát triển bền vững thị trường ĐTTT tại Việt Nam trong giai đoạn tới..

3. Đề xuất các tiêu chí đánh giá công tác quản lý nhà nước đối với dịch vụ đào tạo trực tuyến ở Việt Nam

Trên cơ sở kế thừa các nghiên cứu về đánh giá quản lý nhà nước trong các lĩnh vực kinh doanh dịch vụ của Nguyễn Mạnh Hùng và cộng sự (2022), Nguyễn Thị Hà và cộng sự (2022), Đỗ Minh Thành (2024), kết hợp với đặc điểm của dịch vụ ĐTTT trong nền kinh tế số, nghiên cứu đề xuất 5 nhóm tiêu chí đánh giá công tác QLNN đối với dịch vụ ĐTTT bao gồm: (i) tính hiệu lực; (ii) tính hiệu quả; (iii) tính phù hợp; (iv) tính đồng bộ, hệ thống và thống nhất; (v) tính minh bạch và công bằng. Các tiêu chí này phản ánh tương đối toàn diện chất lượng hoạt động quản lý nhà nước trong bối cảnh thị trường ĐTTT phát triển nhanh, chịu tác động mạnh của công nghệ số, dữ liệu lớn và nền tảng xuyên biên giới.

3.1. Tiêu chí về tính hiệu lực

Theo Nguyễn Mạnh Hùng và cộng sự (2022), tính hiệu lực phản ánh mức độ thực thi quyền lực nhà nước và khả năng đạt được các mục tiêu quản lý đã đề ra. Trong lĩnh vực ĐTTT, tính hiệu lực thể hiện khả năng của Nhà nước trong việc xây dựng và tổ chức thực thi hệ thống chính sách, pháp luật nhằm kiểm soát hoạt động của thị trường, duy trì kỷ cương pháp luật và hạn chế các hành vi vi phạm trên môi trường số.

Tiêu chí này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng bởi dịch vụ ĐTTT là lĩnh vực có tốc độ phát triển nhanh, khả năng mở rộng lớn và tính xuyên biên giới cao. Nếu thiếu hiệu lực quản lý, thị trường có thể phát sinh nhiều vấn đề như quảng cáo sai sự thật, đào tạo không bảo đảm chất lượng, vi phạm bản quyền học liệu hoặc lạm dụng dữ liệu người học. Do đó, tính hiệu lực phản ánh năng lực quản trị và khả năng duy trì trật tự thị trường của Nhà nước trong môi trường giáo dục số.

Các chỉ tiêu đánh giá tính hiệu lực được đề xuất bao gồm: Hệ thống chính sách, pháp luật về ĐTTT được ban hành đầy đủ, đồng bộ và kịp thời; Quy trình, thủ tục quản lý và đánh giá thực thi chính sách được công khai, rõ ràng; Cơ quan quản lý hỗ trợ, hướng dẫn kịp thời cho doanh nghiệp/cơ sở đào tạo trực tuyến; Cơ chế phát hiện và dự báo vi phạm trong đào tạo trực tuyến hoạt động hiệu quả; Các chủ thể (doanh nghiệp, người học) có cơ hội tham gia, phản hồi và được lắng nghe trong quá trình quản lý.

3.2. Tiêu chí về tính hiệu quả

Theo Nguyễn Thị Hà và cộng sự (2022), tính hiệu quả phản ánh mức độ đạt được mục tiêu quản lý với chi phí và nguồn lực thấp nhất. Trong lĩnh vực ĐTTT, tính hiệu quả thể hiện khả năng tối ưu hóa nguồn lực quản lý nhưng vẫn bảo đảm kiểm soát được thị trường và thúc đẩy phát triển dịch vụ giáo dục số theo hướng tích cực.

Tiêu chí này có ý nghĩa quan trọng trong bối cảnh số lượng doanh nghiệp ĐTTT ngày càng tăng, mô hình kinh doanh thay đổi nhanh và hoạt động cung ứng dịch vụ diễn ra chủ yếu trên môi trường số. Nếu hoạt động quản lý thiếu hiệu quả, bộ máy quản lý có thể trở nên cồng kềnh, phát sinh thủ tục hành chính phức tạp và làm gia tăng chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp.

Các chỉ tiêu đánh giá tính hiệu quả trong quản lý nhà nước đối với dịch vụ ĐTTT ở Việt Nam được đề xuất gồm: Các chính sách phù hợp với nhu cầu của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ ĐTTT và bối cảnh kinh tế; Thủ tục hành chính trong quản lý dịch vụ ĐTTT đơn giản, dễ thực hiện; Chi phí tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp ở mức hợp lý; Sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý giúp giảm chồng chéo, lãng phí; Các chính

sách của Nhà nước trong phát triển dịch vụ ĐTTT đã tác động tích cực đến các mục tiêu xã hội khác như bảo vệ môi trường, phát triển nguồn nhân lực, tạo công ăn việc làm…

3.3. Tiêu chí về tính phù hợp

Theo Đỗ Minh Thành (2024), tính phù hợp phản ánh mức độ chính sách đáp ứng yêu cầu thực tiễn và thích ứng với bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội. Đối với dịch vụ ĐTTT, tính phù hợp thể hiện khả năng của hệ thống chính sách trong việc theo kịp sự phát triển nhanh chóng của công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và các mô hình giáo dục mới.

ĐTTT là lĩnh vực chịu tác động mạnh của công nghệ và đổi mới sáng tạo. Nếu chính sách quản lý chậm cập nhật hoặc thiếu linh hoạt, Nhà nước sẽ khó kiểm soát các mô hình đào tạo mới và dễ tạo ra khoảng trống pháp lý. Vì vậy, tính phù hợp phản ánh khả năng thích ứng của hoạt động QLNN với môi trường công nghệ số và nhu cầu phát triển của thị trường.

Các chỉ tiêu đánh giá tính phù hợp trong quản lý nhà nước đối với dịch vụ ĐTTT ở Việt Nam được đề xuất bao gồm: Chính sách của Nhà nước phù hợp với thực tiễn phát triển thị trường dịch vụ ĐTTT; Chính sách của Nhà nước đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ ĐTTT; Chính sách của Nhà nước đáp ứng nhu cầu học tập của người học trong môi trường trực tuyến; Các quy định pháp luật thích ứng với sự thay đổi nhanh của công nghệ số; Chính sách quản lý phù hợp với xu hướng hội nhập và thông lệ quốc tế trong giáo dục trực tuyến; Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan quản lý phù hợp với việc xây dựng và thực thi chính sách ĐTTT.

3.4. Tiêu chí về tính đồng bộ, hệ thống và thống nhất

Trong quản lý nhà nước hiện đại, tính đồng bộ, hệ thống và thống nhất phản ánh mức độ liên kết giữa các chính sách, cơ quan quản lý và công cụ quản lý nhằm bảo đảm hoạt động quản lý không bị chồng chéo hoặc bỏ trống. Đối với dịch vụ ĐTTT, tiêu chí này đặc biệt quan trọng bởi lĩnh vực này chịu sự điều chỉnh của nhiều ngành khác nhau như giáo dục, công nghệ thông tin, thương mại điện tử, thuế và an ninh mạng.

Thực tiễn tại Việt Nam cho thấy hoạt động quản lý ĐTTT hiện nay còn phân tán giữa nhiều cơ quan khác nhau, dẫn tới nguy cơ chồng chéo về chức năng quản lý hoặc thiếu cơ chế phối hợp liên ngành. Vì vậy, tiêu chí này phản ánh khả năng phối hợp và tính thống nhất của hệ thống quản lý trong việc điều tiết thị trường ĐTTT.

Các chỉ tiêu đánh giá tính đồng bộ, hệ thống và thống nhất trong quản lý nhà nước đối với dịch vụ ĐTTT ở Việt Nam được đề xuất bao gồm: Các quy định pháp lý liên quan đến ĐTTT có tích hợp và đồng bộ với các quy định pháp luật khác; Quy trình và thủ tục liên quan đến quản lý dịch vụ ĐTTT được chuẩn hóa trên toàn quốc để tránh sự khác biệt giữa các cơ quan quản lý và khu vực; Mức độ đảm các chính sách và quy định liên quan đến dịch vụ ĐTTT được thống nhất ở cấp quốc gia để tạo ra một môi trường pháp lý ổn định và nhất quán; Các cơ quan QLNN phối hợp đồng bộ trong việc thực thi các quy định và chính sách liên quan tới dịch vụ ĐTTT.

3.5. Tiêu chí về tính minh bạch và công bằng

Theo Lê Thương Huyền và cộng sự (2021), minh bạch trong QLNN phản ánh mức độ công khai thông tin, trách nhiệm giải trình và khả năng tiếp cận thông tin của người dân và doanh nghiệp. Trong lĩnh vực ĐTTT, tính minh bạch và công bằng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng bởi thị trường này liên quan trực tiếp đến quyền lợi người học, dữ liệu cá nhân và môi trường cạnh tranh số.

Nếu thiếu minh bạch, thị trường có thể phát sinh tình trạng cấp phép thiếu công bằng, xử lý vi phạm không nhất quán hoặc thiếu công khai thông tin chính sách. Điều này không chỉ ảnh hưởng tới doanh nghiệp mà còn làm suy giảm niềm tin của xã hội đối với giáo dục trực tuyến.

Các chỉ tiêu đánh giá tính minh bạch và công bằng trong quản lý nhà nước đối với dịch vụ ĐTTT ở Việt Nam bao gồm: Thông tin về chính sách và quy định liên quan đến dịch vụ ĐTTT được công bố công khai và dễ tiếp cận; Quy trình quản lý và cấp phép trong lĩnh vực ĐTTT tuyến rõ ràng và minh bạch; Cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm giải trình khi ban hành và thực thi chính sách; Các quyết định xử lý vi phạm trong lĩnh vực ĐTTT được công khai và minh bạch; Doanh nghiệp và người học có cơ hội tham gia góp ý vào quá trình xây dựng chính sách.

4. Bảng tổng hợp kết quả đánh giá chuyên gia đối với hệ thống tiêu chí đánh giá quản lý nhà nước đối với dịch vụ đào tạo trực tuyến

Để bảo đảm tính khoa học và tính thực tiễn của hệ thống tiêu chí, nghiên cứu đã tiến hành tham vấn chuyên gia thông qua bảng hỏi và phỏng vấn bán cấu trúc. Nhóm chuyên gia tham gia khảo sát gồm 12 chuyên gia có trình độ từ Thạc sĩ đến Phó Giáo sư, Tiến sĩ, đang công tác trong các lĩnh vực quản lý nhà nước, chuyển đổi số giáo dục, công nghệ giáo dục, quản trị doanh nghiệp, pháp luật và quản trị thuế. Các chuyên gia được yêu cầu đánh giá mức độ "thích hợp/không thích hợp" của từng tiêu chí, đồng thời cho điểm theo thang Likert 10 mức độ, trong đó: 1 điểm - hoàn toàn không phù hợp; 10 điểm - hoàn toàn phù hợp.

Kết quả khảo sát chuyên gia cho thấy hệ thống tiêu chí đánh giá công tác QLNN đối với dịch vụ ĐTTT được đề xuất có mức độ phù hợp tương đối cao và bảo đảm khả năng sử dụng trong nghiên cứu định lượng cũng như trong thực tiễn đánh giá hoạt động quản lý nhà nước.

Trước hết, xét về giá trị trung bình, toàn bộ các chỉ tiêu trong hệ thống thang đo đều có điểm đánh giá lớn hơn 7,0 trên thang 10 điểm. Điểm trung bình tổng hợp của toàn bộ đạt 7,320 điểm, phản ánh mức độ đồng thuận tương đối tích cực của các chuyên gia đối với tính cần thiết và tính phù hợp của các tiêu chí được đề xuất. Trong nghiên cứu, các tiêu chí có giá trị trung bình lớn hơn 7 thường phản ánh mức độ phù hợp khá tốt và có khả năng sử dụng cho các bước nghiên cứu tiếp theo. Kết quả này cho thấy hệ thống tiêu chí đề xuất đã phản ánh tương đối đầy đủ những nội dung cốt lõi của công tác QLNN đối với dịch vụ ĐTTT trong bối cảnh chuyển đổi số và phát triển kinh tế số hiện nay.

Bên cạnh đó, độ lệch chuẩn của toàn bộ các tiêu chí đề xuất đều nhỏ hơn 1,0 và độ lệch chuẩn trung bình của toàn bộ thang đo đạt 0,487. Điều này cho thấy mức độ phân tán ý kiến giữa các chuyên gia không lớn, phản ánh sự thống nhất tương đối cao trong đánh giá của nhóm chuyên gia khảo sát. Nói cách khác, các chuyên gia có sự đồng thuận khá tốt về mức độ phù hợp của các tiêu chí và chỉ tiêu được đề xuất.

Trong 5 nhóm tiêu chí được đề xuất, nhóm tiêu chí "Tính hiệu quả" có điểm trung bình cao nhất với 7,367 điểm, cho thấy các chuyên gia đặc biệt quan tâm đến khả năng tối ưu hóa nguồn lực quản lý, giảm chi phí tuân thủ và nâng cao hiệu quả điều hành trong lĩnh vực ĐTTT. Điều này phản ánh yêu cầu cấp thiết của thực tiễn hiện nay khi thị trường ĐTTT phát triển nhanh, mô hình kinh doanh thay đổi liên tục và hoạt động quản lý cần chuyển mạnh sang mô hình quản trị số linh hoạt, hiệu quả hơn.

Tiếp theo là nhóm tiêu chí "Tính hiệu lực" với điểm trung bình đạt 7,350 điểm. Kết quả này cho thấy các chuyên gia đánh giá cao vai trò của việc xây dựng hệ thống chính sách, pháp luật đầy đủ, đồng bộ và có khả năng thực thi hiệu quả trong kiểm soát thị trường ĐTTT. Đặc biệt, các tiêu chí liên quan tới cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp, phát hiện vi phạm và sự tham gia phản hồi của các chủ thể đều được đánh giá ở mức khá cao, phản ánh yêu cầu tăng cường năng lực quản trị nhà nước trong môi trường giáo dục số.

Nhóm tiêu chí "Tính minh bạch và công bằng" đạt điểm trung bình 7,333 điểm, phản ánh sự quan tâm của chuyên gia đối với yêu cầu công khai thông tin, trách nhiệm giải trình và bảo đảm môi trường cạnh tranh lành mạnh trong lĩnh vực ĐTTT. Trong bối cảnh thị trường giáo dục số liên quan trực tiếp đến quyền lợi người học và dữ liệu cá nhân, tính minh bạch được xem là yếu tố quan trọng nhằm nâng cao niềm tin xã hội đối với hoạt động quản lý nhà nước.

Nhóm tiêu chí "Tính đồng bộ, hệ thống và thống nhất" đạt điểm trung bình 7,283 điểm. Điều này cho thấy các chuyên gia đánh giá tương đối cao vai trò của sự phối hợp liên ngành trong quản lý ĐTTT, đặc biệt trong bối cảnh lĩnh vực này chịu sự điều chỉnh đồng thời của nhiều lĩnh vực như giáo dục, công nghệ thông tin, thương mại điện tử, thuế và an ninh mạng. Tuy nhiên, đây cũng là nhóm tiêu chí có một số chỉ tiêu đạt điểm thấp hơn tương đối, như tiêu chí về cơ chế phối hợp liên ngành hiệu quả (DB4 đạt 7,083 điểm), phản ánh thực tiễn hiện nay vẫn còn tồn tại sự phân tán và chồng chéo trong hoạt động quản lý giữa các cơ quan nhà nước.

Trong khi đó, nhóm tiêu chí "Tính phù hợp" có điểm trung bình đạt 7,267 điểm. Mặc dù đây là nhóm tiêu chí có mức điểm trung bình thấp nhất trong 5 nhóm tiêu chí, nhưng toàn bộ các chỉ tiêu vẫn đạt trên 7,0 điểm và được đánh giá "Đạt". Kết quả này cho thấy các chuyên gia nhìn nhận rằng hệ thống chính sách hiện nay bước đầu đã có sự thích ứng với sự phát triển của thị trường ĐTTT, tuy nhiên vẫn cần tiếp tục hoàn thiện để theo kịp tốc độ thay đổi của công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và các mô hình giáo dục trực tuyến mới.

Nhìn chung, kết quả nghiên cứu cho thấy hệ thống tiêu chí đánh giá QLNN đối với dịch vụ ĐTTT được đề xuất có cơ sở khoa học và thực tiễn tương đối tốt, phản ánh đầy đủ các yêu cầu cơ bản của hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực giáo dục số. Các tiêu chí và chỉ tiêu đều đạt mức đánh giá phù hợp theo ý kiến chuyên gia và có độ ổn định tương đối cao.

Kết luận: Nghiên cứu đã đề xuất hệ thống tiêu chí đánh giá công tác quản lý nhà nước đối với dịch vụ đào tạo trực tuyến ở Việt Nam gồm 5 nhóm tiêu chí: tính hiệu lực; tính hiệu quả; tính phù hợp; tính đồng bộ, hệ thống, thống nhất và tính minh bạch, công bằng. Kết quả khảo sát chuyên gia cho thấy các tiêu chí đều đạt mức đánh giá phù hợp với điểm trung bình trên 7,0 và có độ lệch chuẩn thấp, phản ánh mức độ đồng thuận tương đối cao của chuyên gia đối với hệ thống thang đo đề xuất. Bộ tiêu chí này không chỉ góp phần bổ sung cơ sở lý luận về đánh giá QLNN trong lĩnh vực giáo dục số mà còn có thể sử dụng làm công cụ tham khảo cho hoạt động hoạch định chính sách, đánh giá hiệu quả quản lý và phát triển bền vững thị trường dịch vụ ĐTTT tại Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

Tài liệu tham khảo:

Đỗ Minh Thành. (2024). Tính phù hợp trong chính sách quản lý, giám sát kiểm toán độc lập ở Việt Nam. Tạp chí Quản lý nhà nước. https://www.quanlynhanuoc.vn/2024/02/29/tinh-phu-hop-trong-chinh-sach-quan-ly-giam-sat-kiem-toan-doc-lap-o-viet-nam/.

Grand View Research. (2025). E-learning market size, share & trends analysis report. Grand View Research, https://www.grandviewresearch.com/industry-analysis/e-learning-services-market.

Lê Thương Huyền & Nguyễn Tiến Lực. (2021). Bàn về minh bạch trong quản lý hành chính nhà nước. Tạp chí Quản lý nhà nước. https://www.quanlynhanuoc.vn/2021/11/16/ban-ve-minh-bach-trong-quan-ly-hanh-chinh-nha-nuoc/.

Nguyễn Mạnh Hùng & Nguyễn Thị Hà. (2022). Đánh giá tính hiệu lực trong quản lý nhà nước đối với kiểm toán độc lập ở Việt Nam. Tạp chí Công Thương. https://tapchicongthuong.vn/danh-gia-tinh-hieu-luc-trong-quan-ly-nha-nuoc-doi-voi-kiem-toan-doc-lap-o-viet-nam-88313.htm.

Nguyễn Thị Hà &Nguyễn Mạnh Hùng. (2022). Đánh giá tính hiệu quả trong quản lý nhà nước đối với kiểm toán độc lập ở Việt Nam. Tạp chí Công Thương. https://tapchicongthuong.vn/danh-gia-tinh-hieu-qua-trong-quan-ly-nha-nuoc-doi-voi-kiem-toan-doc-lap-o-viet-nam-89914.htm.

Phan Huy Đường. (2017). Giáo trình Khoa học quản lý. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

Spherical Insights. (2024). Global e-learning market forecast report. Spherical Insights. https://www.sphericalinsights.com/reports/e-learning-market.

Statista. (2024). Online learning platforms - Vietnam. https://www.statista.com/outlook/emo/online-education/online-learning-platforms/vietnam.